



**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *110* /QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày *15* tháng *01* năm *2015*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT  
thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 của Chính phủ**

#### **BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Bộ NN&PTNT;
- Công đoàn Ngành NN&PTNT;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu VT, KH.



**Cao Đức Phát**

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG  
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THỰC HIỆN  
NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 03/01/2015 CỦA CHÍNH PHỦ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 110/QĐ-BNN-KH  
ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

Ngày 03 tháng 01 năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015. Để thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch hành động nhằm cụ thể hóa và tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

**I. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ**

Năm 2015 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015; năm tiến hành đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII; năm được dự báo tình hình trong nước và quốc tế có nhiều thuận lợi, cơ hội cho phát triển do kinh tế phục hồi tăng trưởng; nhưng cũng còn nhiều khó khăn, thách thức, tình hình kinh tế thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, nhiều yếu tố khó lường. Trong nông nghiệp, cân đối ngân sách nhà nước cho Bộ và ngành thấp hơn nhiều so với nhu cầu; sự biến đổi khí hậu, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tiềm ẩn nguy cơ khó lường; thị trường nông sản thế giới được dự báo sẽ có nhiều biến động, xuất khẩu nông sản sang các thị trường lớn và truyền thống (châu Âu, Mỹ, Nhật Bản) tiếp tục gặp nhiều khó khăn do các nền kinh tế này tăng trưởng chậm, môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt... Những yếu tố trên sẽ tác động mạnh đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đòi hỏi toàn ngành phải nỗ lực phấn đấu, tập trung nguồn lực, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01/NQ-CP và hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch của ngành đề ra.

Mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2015 là: *Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nền nông nghiệp có giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường.*

Các chỉ tiêu chính:

- Tốc độ tăng GDP toàn ngành đạt 3,0 - 3,3%.
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 3,4 - 3,7%.

- Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 33 tỷ USD.
- Sản lượng lúa đạt khoảng 44 triệu tấn.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 85%.
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới đạt 20%.

## II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

### 1. Thực hiện mạnh mẽ tái cơ cấu, nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất, thúc đẩy tiêu thụ nông lâm thủy sản

#### 1.1 Về các nội dung và giải pháp tổng thể

Trong năm 2015, Bộ và các địa phương phải tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung và giải pháp chính sau:

(1) *Rà soát, xây dựng, sửa đổi bổ sung quy hoạch sản xuất nông nghiệp:* Kiên quyết chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm trên từng địa bàn, địa phương, vùng và cả nước để vừa phát huy lợi thế của địa phương vừa quản lý sản xuất theo quy hoạch, theo chuỗi giá trị và phù hợp với cung, cầu thị trường. Thực hiện rà soát lại quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp theo Quyết định số 124/2012/QĐ-TTg ngày 02/2/2012 để phục vụ tái cơ cấu ngành; đặc biệt chú trọng đối với quy hoạch phát triển các cây trồng, vật nuôi có tiềm năng, lợi thế, có giá trị cao và có thị trường tiêu thụ ổn định.

Căn cứ vào các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm đã được phê duyệt, các địa phương rà soát và đánh giá tình hình thực hiện, báo cáo kiến nghị điều chỉnh để phù hợp thực tế hơn.

(2) *Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ:* Phát triển khoa học công nghệ là khâu “đột phá” để thực hiện tái cơ cấu ngành. Ưu tiên cao nhất cho nghiên cứu, chuyển giao và tổ chức sản xuất các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Tập trung nguồn lực đầu tư nghiên cứu, giải quyết các vấn đề quan trọng bức thiết của ngành; ứng dụng sâu rộng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp; nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm chủ lực chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh, được lựa chọn xây dựng thương hiệu quốc gia, có giá trị thương phẩm cao. Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ sản xuất các sản phẩm nông, lâm, thủy sản (NLTS) chủ lực.

Nghiên cứu tạo các chế phẩm công nghệ sinh học, thức ăn bổ sung trong chăn nuôi. Nghiên cứu phát triển và làm chủ công nghệ tạo giống bố mẹ và kỹ thuật nhân giống đối với một số giống thủy sản chủ lực. Xây dựng quy trình công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến gỗ, lâm sản ngoài gỗ và sản xuất các nguyên liệu phụ trợ trong sản xuất đồ mộc xuất khẩu và gỗ xây dựng từ nguồn nguyên liệu trong nước. Đẩy mạnh ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm cho một số loại cây trồng chủ lực (lúa, cà phê); ứng dụng công nghệ tiên tiến trong

VnV/

quản lý và khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi. Phát triển kỹ thuật điện và tự động hóa phục vụ bảo quản, chế biến nông sản; hoàn thiện công nghệ, thiết bị xử lý các phụ phẩm nông nghiệp.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, đa dạng hóa các tổ chức nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh thực hiện chính sách xã hội hóa trong hoạt động khoa học, công nghệ; thực hiện liên kết với doanh nghiệp trong đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ.

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình công nghệ sinh học, Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, Chương trình sản phẩm quốc gia, Chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao, trọng tâm là xây dựng và phát triển các khu, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ...

(3) *Tô chức lại sản xuất*: Tập trung đổi mới tổ chức sản xuất, đổi mới và nhân rộng các mô hình liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị có năng suất, hiệu quả cao phù hợp với từng ngành hàng, lĩnh vực; đặc biệt đối với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; phát triển theo mô hình kinh tế tập thể đối với khai thác vùng biên xa và mô hình đồng quản lý đối với vùng biên ven bờ để khuyến khích ngư dân khai thác, đánh bắt hải sản, bảo đảm vừa thúc đẩy sản xuất, vừa góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia. Thúc đẩy hợp tác, liên kết theo mô hình cánh đồng lớn, tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013; trên cơ sở đó, đánh giá rút kinh nghiệm và nghiên cứu xây dựng chính sách cho các lĩnh vực khác (chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản).

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, tập trung cổ phần hóa doanh nghiệp theo Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 và các văn bản liên quan, thực hiện lộ trình thoái vốn nhà nước. Các doanh nghiệp thực hiện đúng tiến độ cổ phần hóa theo đề án, thời hạn được phê duyệt; khẩn trương cơ cấu lại vốn đầu tư tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính, có thể mạnh và hiệu quả cao, theo hướng phát huy vai trò doanh nghiệp trong chuỗi giá trị sản xuất của từng sản phẩm, ngành hàng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành công khai, minh bạch tình hình tài chính của doanh nghiệp, kịp thời phát hiện ngăn ngừa vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính. Tiếp tục thực hiện các nhóm giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Quyết định số 1231/QĐ-TTg ngày 07/9/2012 trong lĩnh vực nông nghiệp.

Chủ trì triển khai thực hiện và phối hợp kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện, xây dựng đề án, phương án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30 -NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014. Đẩy nhanh việc rà soát hiện trạng sử dụng quỹ đất rừng, thu hồi diện tích sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả, vượt khả năng quản lý của các công ty lâm nghiệp giao lại cho chính quyền địa phương. Tập trung hướng dẫn các địa phương về tiêu chuẩn quản lý rừng

bền vững và chứng chỉ rừng; tiêu chí cải tạo rừng nghèo kiệt; giao khoán rừng và đất lâm nghiệp, hưởng lợi từ rừng; xác định giá trị vườn cây, rừng trồng, đàn gia súc của công ty nông, lâm nghiệp; đơn giá sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích.

Chủ trì xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về Hợp tác xã nông nghiệp và xây dựng Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định. Tiếp tục thực hiện chính sách phát triển kinh tế trang trại; đánh giá thực tiễn và đề xuất chính sách mới phù hợp hơn theo hướng sản xuất hàng hóa. Phối hợp với Ngân hàng nhà nước Việt Nam triển khai hiệu quả Chương trình thí điểm cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân; đánh giá, tổng kết để xây dựng chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp.

*(4) Đẩy mạnh đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành*

Tổng kết, đánh giá các chính sách, hình thức và kết quả đào tạo nghề hiện nay để điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phù hợp và hiệu quả hơn. Chuyển mạnh đào tạo nghề cho nông dân sang đào tạo theo nhu cầu của lao động, doanh nghiệp và thị trường để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng hiện đại, gắn đào tạo nghề với quy hoạch xây dựng nông thôn mới và đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Tiếp tục thực hiện Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành theo các Quyết định của Bộ: số 2340/QĐ-BNN-TCCB và số 2341/QĐ-BNN-TCCB ngày 10/10/2013; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, theo Quyết định số 2585/QĐ-BNN-TCCB ngày 31/10/2013; Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2014 - 2020, theo Quyết định số 1323/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/6/2014.

Tiếp tục triển khai Đề án sắp xếp lại khối Trường nhằm nâng cao năng lực đào tạo của các Trường phục vụ mục tiêu phát triển nguồn nhân lực của ngành.

*(5) Thực hiện tái cơ cấu đầu tư để tập trung vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, các công trình có khả năng hoàn thành trong năm 2015*

Thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011, số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 và các quy định hiện hành về tăng cường quản lý đầu tư công, xử lý dứt điểm tình trạng đầu tư dàn trải và nợ đọng xây dựng cơ bản. Hoàn thành xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020; thực hiện điều chỉnh cơ cấu đầu tư thông qua điều chỉnh các ưu tiên đầu tư và phương thức đầu tư theo định hướng tái cơ cấu ngành tại Quyết định số 1440/QĐ-BNN-KH ngày 27/6/2014.

Hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp; phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân (đôi tác công tư, hợp tác

*vuh*

công tư,...) để huy động nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; tập trung triển khai thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013.

Đẩy mạnh triển khai kế hoạch hợp tác quốc tế nhằm tăng cường hợp tác, thu hút các nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, các dự án có giá trị gia tăng lớn từ bên ngoài để phục vụ cho mục tiêu tái cơ cấu ngành.

## **1.2 Tái cơ cấu trên các lĩnh vực cụ thể**

(1) *Trồng trọt*: Tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu để tái cơ cấu ngành trồng trọt theo kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 1006/QĐ-BNN-TT ngày 13/5/2014; phát triển sản xuất trồng trọt quy mô lớn, tập trung, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở thay đổi căn bản từ khâu giống, sử dụng giống chất lượng cao; đẩy mạnh các biện pháp thâm canh, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất, trong đó tập trung thực hiện Đề án phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 2194/QĐ-TTg, số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013; chính sách khuyến nông...

Hoàn thiện cơ chế chính sách để sử dụng hiệu quả đất lúa; các địa phương nghiên cứu chặt chẽ điều kiện thời tiết, mùa vụ và hiệu quả sản xuất có cơ sở khoa học, thực tiễn để chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa; đẩy mạnh ứng dụng quy trình thâm canh “3 giảm, 3 tăng”, “1 phải, 5 giảm” trong sản xuất lúa.

Tiếp tục chấn chỉnh công tác quản lý chất lượng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; tăng cường phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, dập tắt dịch bệnh nguy hiểm hiện có trên cây thanh long, nhãn, hồ tiêu, sắn.

Định hướng cơ cấu diện tích, sản lượng các loại cây trồng chính như sau:

- *Cây lương thực*: Sử dụng linh hoạt diện tích trồng lúa để vừa đảm bảo an ninh lương thực, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho nông dân; mở rộng diện tích trồng ngô để chủ động nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi. Năm 2015, diện tích gieo trồng lúa đạt 7,68 triệu ha (giảm khoảng 104 nghìn ha để chuyển sang trồng một số cây công nghiệp hàng năm), năng suất 57,1 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 44 triệu tấn. Mở rộng diện tích ngô lên 1,23 triệu ha, năng suất 46 tạ/ha, sản lượng 5,66 triệu tấn. Duy trì diện tích sắn ở quy mô 550 nghìn ha, năng suất 190 tạ/ha, sản lượng trên 10 triệu tấn.

- *Cây công nghiệp*: (i) Cây cà phê: Không mở rộng diện tích cà phê ở những vùng ngoài quy hoạch, vùng thiếu nước tưới; tăng cường thâm canh diện

tích hiện có, trồng tái canh diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp để sản lượng đạt 1,35 triệu tấn; (ii) Cây cao su: Rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch. Tập trung chăm sóc, thâm canh để đạt sản lượng mũ 990 nghìn tấn; (iii) Cây chè: Duy trì diện tích khoảng 130 nghìn ha, sản lượng búp tươi đạt 1 triệu tấn; (iv) Cây điều: Duy trì diện tích khoảng 300 nghìn ha, thực hiện thâm canh tăng năng suất, chất lượng, mở rộng mô hình trồng xen canh điều với một số cây trồng khác nhằm nâng cao thu nhập cho người trồng điều.

- *Cây công nghiệp hàng năm*: Ổn định trên 300 nghìn ha mía, sản lượng 19,9 triệu tấn mía cây; tăng diện tích lạc lên 225 nghìn ha, sản lượng 518 nghìn tấn; mở rộng diện tích đậu tương lên 120 nghìn ha, sản lượng 180 nghìn tấn.

- *Rau, hoa và cây ăn quả*: Diện tích rau, đậu các loại đạt khoảng 1,04 triệu ha, sản lượng rau các loại 14,8 triệu tấn, sản lượng đậu hạt các loại 194,3 nghìn tấn. Diện tích cây ăn quả các loại trên 840 nghìn ha, tập trung thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng các loại trái cây có thị trường tiêu thụ. Phát triển sản xuất rau, hoa, quả công nghệ cao, quy mô lớn ở những địa phương có lợi thế như Lâm Đồng, Lào Cai, TP. Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội, Sơn La...

(2) *Chăn nuôi*: Triển khai mạnh các định hướng và nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo Quyết định số 984/QĐ-BNN-CN ngày 09/5/2014, chuyển mạnh từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại, duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và ứng dụng công nghệ cao. Thực hiện đăng ký và quản lý vùng chăn nuôi an toàn sinh học theo chuẩn quốc tế; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng. Khuyến khích chuyển dịch dần chăn nuôi từ vùng mật độ dân số cao (vùng đồng bằng) đến nơi có mật độ dân số thấp (vùng trung du, miền núi), hình thành các vùng chăn nuôi xa thành phố, khu dân cư; chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm (trọng tâm là gà lông màu và vịt đẻ trứng), tiếp tục phát triển chăn nuôi lợn và gia súc lớn.

Tăng cường quản lý chất lượng thức ăn chăn nuôi, kiên quyết đấu tranh với việc sử dụng chất cấm, kiểm soát việc sử dụng kháng sinh quá mức. Tăng cường quản lý, kiểm soát việc giết mổ, vận chuyển đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, bố trí đủ nguồn lực để chủ động phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi; quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y; áp dụng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm (ATTP) theo chuỗi giá trị; tăng cường năng lực công tác thú y.

(3) *Thủy sản*: Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án tái cơ cấu ngành thủy sản theo Quyết định số 2760/QĐ-BNN-TCTS ngày 22/11/2013. Trong nuôi trồng thủy sản, tập trung vào khâu quy hoạch, đối tượng nuôi chủ lực (tôm, cá tra, nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, cá rô phi), thị trường tiêu thụ, cơ sở hạ tầng... Phấn đấu tổng sản lượng thủy sản đạt 6,4 triệu tấn; trong đó, khai thác 2,6 triệu tấn, nuôi trồng 3,8 triệu tấn; giá trị sản xuất tăng 6,0 - 6,5%; kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 7,5 - 8 tỷ USD.

*mmk*

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng cao, phù hợp với yêu cầu của thị trường; đa dạng hóa đối tượng nuôi và phương thức nuôi với cơ cấu diện tích và sản lượng phù hợp từng vùng kinh tế, sinh thái. Đẩy mạnh áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt, vùng sản xuất an toàn dịch bệnh, có chứng nhận với các sản phẩm chủ lực. Phát triển các vùng nuôi thủy sản thâm canh ứng dụng công nghệ cao, nuôi tuần hoàn, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển mạnh nuôi, trồng trên biển, đặc biệt đối với trồng rong, tảo biển. Giữ ổn định diện tích nuôi cá tra khoảng 5.200 ha, thực hiện tốt Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 nhằm đảm bảo giá nguyên liệu ổn định, đảm bảo có lãi cho cả doanh nghiệp và người nuôi cá tra; ổn định diện tích nuôi tôm sú, phát triển nuôi tôm chân trắng ở các vùng có lợi thế, đẩy mạnh nuôi cá rô phi ở các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung.

Tập trung triển khai chương trình đổi mới, sửa chữa, nâng cấp theo lộ trình phù hợp hệ thống tàu thuyền đánh bắt xa bờ; hỗ trợ ngư dân áp dụng các kỹ thuật và thiết bị hiện đại để nâng cao hiệu quả đánh bắt, bảo quản sản phẩm trên tàu. Giảm dần sản lượng khai thác thủy sản ven bờ, đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ; tập trung khai thác các sản phẩm chủ lực (cá ngừ đại dương, mực, bạch tuộc); nâng cao hiệu quả khai thác và giảm tổn thất sau thu hoạch. Khai thác thủy sản gắn liền với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Tổ chức thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản; trong đó, tập trung xây dựng quy hoạch phát triển khai thác xa bờ toàn quốc đến năm 2020, theo dõi tình hình tổ chức sản xuất, an ninh trên biển, biến động giá dầu phục vụ khai thác, dự báo ngư trường để tổ chức lại khai thác trên biển hiệu quả.

Nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh trên thủy sản, trước hết trên tôm, nhuyễn thể, cá tra; đổi mới hệ thống, tăng cường quản lý giống, thức ăn; kiểm soát sử dụng kháng sinh; xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, nhất là các loài chủ lực. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần cho khai thác thủy sản; xây dựng cơ sở vật chất và kiện toàn bộ máy lực lượng Kiểm ngư và các Chi cục kiểm ngư Vùng.

(4) *Lâm nghiệp*: Thực hiện đồng bộ các giải pháp tái cơ cấu ngành lâm nghiệp theo Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/7/2013. Thực hiện quản lý, sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên, từng bước thay thế các diện tích kém hiệu quả bằng rừng trồng có năng suất cao; tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng, nâng cao hiệu quả kinh tế của rừng trồng theo hướng phát triển lâm nghiệp đa chức năng, khuyến khích phát triển mô hình kết hợp chăn nuôi, trồng cây ăn quả và lâm sản ngoài gỗ với trồng rừng và khai thác rừng bền vững; chuyển đổi cơ cấu sản phẩm từ khai thác gỗ non xuất khẩu dăm sang khai thác gỗ lớn cung cấp cho công nghiệp chế biến đồ gỗ xuất khẩu.

Phát triển các mô hình rừng trồng có hiệu quả kinh tế cao, rừng gỗ lớn, cây lâm đặc sản, cây dược liệu gắn với chế biến; phát triển rừng có chứng chỉ. Thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư trồng rừng sản xuất và chế

mmh



biển lâm sản, phát triển du lịch sinh thái rừng. Chỉ đạo nghiêm túc trồng rừng thay thế cho diện tích rừng bị chuyển đổi để làm thủy điện và mục đích khác.

Tiếp tục triển khai các nội dung của kế hoạch bảo vệ và phát triển bền vững 13,5 triệu ha rừng hiện có. Đổi mới căn bản phương thức quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và rừng sản xuất là rừng tự nhiên, dừng khai thác để vừa bảo vệ được rừng vừa tạo điều kiện tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người dân làm nghề rừng gắn với xóa đói giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số.

(5) *Diêm nghiệp*: Tập trung đầu tư cải tạo nâng cấp các đồng muối hiện có, tạo điều kiện cho diêm dân nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành muối, cải thiện thu nhập. Tiếp tục đẩy mạnh chế biến muối cung cấp cho ngành công nghiệp hóa chất, chế biến muối iốt; đồng thời, thông qua chế biến để tiêu thụ muối thô tạo điều kiện nâng cao đời sống diêm dân. Tiếp tục nhân rộng mô hình sản xuất muối sạch, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất, giảm thiểu sự ảnh hưởng của thời tiết và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

(6) *Phát triển công nghiệp chế biến*: Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án nâng cao giá trị gia tăng hàng NLTS thông qua tái cơ cấu lĩnh vực công nghiệp chế biến, bảo quản và giảm tổn thất sau thu hoạch, theo Quyết định số 1016/QĐ-BNN-CB ngày 13/5/2014. Thực hiện ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến sản phẩm ăn liền để nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm NLTS; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013. Tiếp tục hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy hoạch công nghiệp chế biến NLTS tại các địa phương, chú trọng quản lý môi trường các làng nghề chế biến NLTS...

### **1.3 Đẩy mạnh phát triển thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và tăng cường xuất khẩu**

Triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các giải pháp nêu tại Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường để kịp thời định hướng các ngành sản xuất NLTS.

Tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến cung - cầu, giá cả hàng nông sản, kịp thời thông tin cho doanh nghiệp và đề xuất cơ chế chính sách tiêu thụ nông sản kịp thời, hiệu quả, bảo đảm lợi ích cho nông dân, góp phần ổn định thị trường, đặc biệt, đối với các mặt hàng chủ lực và vật tư đầu vào thiết yếu cho sản xuất. Hỗ trợ doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, giảm hàng tồn kho.

Tổ chức thực hiện tốt Chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ. Triển khai có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại; xúc tiến xuất khẩu các mặt hàng NLTS vào các thị trường trọng điểm; mở rộng các thị trường hiện có và mở rộng thị trường mới có nhiều tiềm năng.

*vnh*

Thực hiện nghiêm công tác quản lý chất lượng hàng hóa, vệ sinh ATTP đối với các sản phẩm NLTS và vật tư nông nghiệp xuất, nhập khẩu; đẩy mạnh đàm phán, thỏa thuận với các nước nhập khẩu công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận về sử dụng các biện pháp bảo hộ chỉ dẫn địa lý, quy định nguồn gốc xuất xứ, chống gian lận thương mại, vi phạm pháp luật thương mại quốc tế.

## **2. Tập trung phát triển nông thôn, nâng cao thu nhập, đảm bảo an sinh xã hội cho dân cư nông thôn**

### **2.1 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý cho chương trình, tập trung xây dựng chính sách; tổ chức thực hiện Kết luận số 97 -KL/TW ngày 09/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại hội nghị sơ kết ba năm thực hiện Chương trình.

Tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, theo chuyên đề cho từng tiêu chí; xây dựng sổ tay hướng dẫn về nội dung, cơ chế tài chính để chỉ đạo toàn diện, tạo chuyển biến rõ rệt về thu nhập, đời sống của người dân nông thôn. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tập trung phát triển các công trình hạ tầng thiết yếu cấp xã, thôn, bản trực tiếp gắn với phát triển sản xuất, đời sống của người dân, như giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, nhà văn hoá. Xây dựng, phát triển huyện nông thôn mới phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam tại các huyện nghèo, huyện thuộc vùng sâu, vùng xa.

Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu sản xuất trên địa bàn xã theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với tiêu thụ NLTS để nâng cao thu nhập cho nông dân, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ môi trường nông thôn. Tích cực hướng dẫn thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành.

Ưu tiên nguồn lực từ NSNN và huy động toàn xã hội tham gia thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

### **2.2 Các Chương trình giảm nghèo**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020, Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 01/11/2012 phê duyệt Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XI) về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn xây dựng mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình 135, Chương trình 30a. Nghiên cứu xây dựng chính sách chung về hỗ trợ sản xuất cho hộ nghèo trên cả nước thay thế các chính sách hỗ trợ giảm nghèo hiện nay. Đẩy mạnh thực hiện Quyết định 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 về hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn, dân tộc miền núi giai đoạn 2014 -

VNV

2020; hướng dẫn lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo, không tái nghèo.

Phối hợp với các địa phương thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 755/QĐ-TTg về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; số 29/2013/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng ĐBSCL giai đoạn 2013 - 2015.

### **2.3 Quy hoạch và điều chỉnh dân cư**

Triển khai thực hiện các giải pháp chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014. Tiếp tục rà soát, bổ sung các chính sách và giải pháp ổn định dân di cư tự do theo Chỉ thị số 39/2004/CT-TTg ngày 12/11/2004; ổn định đời sống, sản xuất cho người dân tại các cụm, tuyến dân cư vượt lũ ĐBSCL, vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, hải đảo, vùng xung yếu và rất xung yếu, vùng bảo vệ nghiêm ngặt của rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; hạn chế dân di cư tự do và ổn định cho dân di cư đã đến trên địa bàn, nhất là khu vực Tây Nguyên. Thực hiện tốt các dự án bố trí dân cư biên giới Việt - Trung, Việt - Lào, Việt Nam - Campuchia theo quy hoạch.

### **2.4 Chương trình MTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn**

Tăng cường công tác thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước sạch và vệ sinh MTNT; đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển thị trường nước sạch và dịch vụ vệ sinh MTNT. Vận động, tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế cả về kinh nghiệm, khoa học công nghệ và vốn để hoàn thành các mục tiêu khi tổng kết Chương trình năm 2015.

Tập trung ưu tiên cho các công trình cấp nước sạch và vệ sinh MTNT các xã nông thôn mới, các xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển, các địa bàn thường bị thiên tai hạn hán, lũ lụt, khu vực có nguồn nước bị ô nhiễm.

### **2.5 Phát triển ngành nghề nông thôn**

Quy hoạch phát triển các làng nghề gắn với quy hoạch xử lý môi trường. Trên cơ sở các mô hình điểm về xử lý môi trường ở các cơ sở công nghiệp chế biến, các làng nghề, xây dựng kế hoạch trung và dài hạn về giải quyết môi trường các cơ sở này theo từng địa phương, vùng và cả nước, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường ở các làng nghề gần khu dân cư tập trung.

Phối hợp với các địa phương nghiên cứu, triển khai thực hiện các mô hình mỗi làng một nghề, một cây, một con. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; triển khai các dự án hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo, hỗ trợ các làng nghề, hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống nhưng theo hướng hiện đại có sức cạnh tranh cao.

*Vnh*

### **3. Phát triển thủy lợi, đầu tư hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu**

#### **3.1 Phát triển thủy lợi**

Tập trung triển khai Đề án tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi theo Quyết định số 794/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/4/2014 và Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi. Phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu, trọng tâm là phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đảm bảo nhu cầu cung cấp nước cho thâm canh cây trồng, nuôi trồng thủy sản và làm muối, phát triển công nghiệp, phục vụ đời sống dân cư... Tập trung hoàn thành quy hoạch thủy lợi toàn quốc phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; quy hoạch thủy lợi phục vụ thủy sản vùng ven biển ĐBSCL.

Đẩy mạnh thực hiện chương trình đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, xây dựng và quản lý các công trình thủy lợi (thiết bị viễn thông, viễn thám, công nghệ thiết bị tưới tiết kiệm, kênh mương đúc sẵn...). Trong đó, đặc biệt chú trọng triển khai áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm ở nơi có điều kiện, tạo ra đột phá về năng suất, chất lượng đối với cây trồng cạn, tập trung thực hiện các biện pháp phi công trình để tăng cường năng lực phòng tránh thiên tai. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình đầu tư dở dang, công trình cấp bách hoặc có ý nghĩa kinh tế - xã hội, môi trường và an ninh quốc phòng, nâng cấp hệ thống đê, chống ngập tại các đô thị lớn, công trình thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 14/10/2013 về tăng cường công tác quản lý, bảo đảm an toàn hồ chứa; rà soát, bố trí vốn để nâng cấp, sửa chữa các hồ có nguy cơ mất an toàn. Thực hiện kế hoạch tu bổ đê điều thường xuyên, ưu tiên đầu tư những công trình trọng điểm, tạo điều kiện phát triển dân sinh, kinh tế khu vực được đê điều bảo vệ; tiếp tục triển khai các Chương trình củng cố, nâng cấp đê biển, đê sông.

Hoàn chỉnh hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống thiên tai. Xây dựng các phương án chủ động phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai; tăng cường năng lực để phòng chống thiên tai, chú trọng hệ thống dự báo, cảnh báo lũ, lụt, ứng phó kịp thời, hiệu quả trước mọi tình huống. Theo dõi sát sao diễn biến thực tế, phối hợp chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, nhất là rét đậm, rét hại ở vùng núi phía Bắc, hạn hán ở khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên...

#### **3.2 Phát triển cơ sở hạ tầng thủy sản và nông, lâm nghiệp**

Tiếp tục đầu tư các dự án hạ tầng giống thủy sản theo quy hoạch hệ thống nghiên cứu, sản xuất và cung ứng giống đến năm 2020; hạ tầng vùng nuôi thủy sản tập trung; hạ tầng dịch vụ hậu cần nghề cá, các cơ sở cung cấp dịch vụ công; ưu tiên bố trí vốn hoàn thành các dự án khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng, cảng cá loại 1 đang đầu tư dở dang sớm hoàn thành đưa vào sử dụng và đẩy

*Vinh*

nhanh tiến độ xây dựng các cảng cá đã được quy hoạch theo Quyết định 346/QĐ-TTg ngày 15/3/2010.

Tiếp tục triển khai các dự án tăng cường hạ tầng kỹ thuật nông, lâm nghiệp, nhất là cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học công nghệ, chọn tạo và nhân giống, kiểm soát chất lượng, vệ sinh ATTP, phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi; tăng cường năng lực cho lực lượng kiểm ngư, kiểm lâm.

#### **4. Tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, đảm bảo ATTP**

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn thực thi Luật ATTP và Nghị định số 38/2012/NĐ-CP. Tổ chức thực hiện các chương trình giám sát ATTP nông sản, thủy sản theo kế hoạch; triển khai Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014, tăng cường kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh NLTS đủ điều kiện ATTP.

Thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng NLTS và muối giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 30/5/2011, Dự án tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ quản lý chất lượng NLTS và muối giai đoạn 2011- 2015 theo Quyết định 1165/QĐ-BNN-TCCB ngày 21/5/2012 và Đề án xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn trên phạm vi toàn quốc, nhằm tạo sự chuyên biến rõ nét trong công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh ATTP hàng nông sản để giải quyết những bức xúc trong xã hội. Tăng cường năng lực hệ thống kiểm tra, kiểm nghiệm, thanh tra, xử lý vi phạm về chất lượng, vệ sinh ATTP, tập trung vào các mặt hàng phục vụ Tết Ất Mùi; chú trọng quản lý chất lượng vật tư đầu vào; bảo đảm vệ sinh an toàn giết mổ gia súc, gia cầm, nhất là tại các thành phố lớn và các vùng sản xuất nông sản, thực phẩm. Nâng cấp một số phòng kiểm nghiệm và xây dựng trung tâm kiểm nghiệm kiểm chứng đáp ứng yêu cầu khu vực và các nước tiên tiến trên thế giới.

Chủ động đánh giá, cung cấp kịp thời thông tin ATTP cho người tiêu dùng; tạo sự chuyên biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của chính người dân và cộng đồng về ATTP. Xử lý các rào cản kỹ thuật và kiểm soát chặt chẽ hàng nhập khẩu có nguồn gốc động, thực vật nhằm ngăn chặn hàng kém chất lượng, không đảm bảo ATTP nhập khẩu và lưu thông tại Việt Nam.

#### **5. Quản lý, bảo vệ và sử dụng các nguồn tài nguyên, môi trường bền vững, hiệu quả**

Tăng cường công tác bảo vệ, phòng cháy rừng và phát triển rừng, nhất là rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển. Tiếp tục triển khai công tác giao đất, khoán rừng cho hộ gia đình, các cộng đồng để tổ chức quản lý bảo vệ; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có khả năng trồng rừng sản xuất thâm canh có hiệu quả; thu hút đầu tư vào trồng rừng sản xuất và chế biến lâm sản, phát triển du lịch sinh thái rừng. Phối hợp với các địa

*Vinh*

phương có phương án xử lý hiệu quả tình trạng di dân tự do, bảo đảm giữ rừng, giữa đất và ổn định đời sống nhân dân. Tăng cường quản lý hệ sinh thái đặc dụng, bảo vệ quỹ gen, đảm bảo đa dạng sinh học; mở rộng áp dụng chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế trong quản lý rừng.

Xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, tăng cường đổi mới và sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, nguyên nhiên vật liệu đầu vào và nâng cao giá trị gia tăng hàng NLTS. Phối hợp quản lý tốt nguồn nước của các lưu vực sông và hệ thống thủy lợi bảo đảm các quá trình khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, phục vụ có hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài.

Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Chỉ thị số 26/2007/CT-TTg về bảo vệ môi trường nông nghiệp, bảo vệ đa dạng sinh học; bảo vệ, duy trì và phát triển các hệ sinh thái nông nghiệp, rừng và biển; bảo vệ nguồn gen NLTS và ngăn ngừa sự xâm nhập, tác động của sinh vật ngoại lai xâm hại... Vận hành, khai thác có hiệu quả hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường để hỗ trợ cho công tác chỉ đạo sản xuất, phòng ngừa dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản. Hướng dẫn các cơ sở nuôi trồng hải sản thực hiện đúng quy trình công nghệ nuôi để nâng cao hiệu quả và bảo vệ môi trường biển.

Tổ chức thực hiện Quyết định số 1373/QĐ-BNN-CB ngày 20/6/2014 về triển khai Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Xây dựng và hướng dẫn các địa phương thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, môi trường làng nghề, môi trường trong xây dựng nông thôn mới...

## **6. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính**

- *Thực hiện kế hoạch xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật:* Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Thú y, Luật Thủy lợi, Luật Thủy sản sửa đổi. Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách theo Quyết định số 3346/QĐ-BNN-KH ngày 29/7/2014 phê duyệt Kế hoạch Đổi mới cơ chế, chính sách và pháp luật phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; trong đó, trọng tâm là hoàn thành kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- *Kiện toàn tổ chức ngành:* KIỆN TOÀN HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA BỘ, ngành nông nghiệp và PTNT phục vụ tái cơ cấu ngành, theo Quyết định số 1291/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/6/2014; thực hiện hiệu quả các đề án đổi mới công tác tổ chức cán bộ do Bộ đã phê duyệt; thực hiện tốt các yêu cầu về xác định vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn công chức; không tăng biên chế cán bộ, công chức, viên chức. Phối hợp với các Bộ, địa phương sắp xếp, củng cố và tăng cường năng lực cho bộ máy quản lý ngành tại các địa phương, đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất, chủ động và hiệu quả hơn. Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ

Vinh

đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính.

- *Tăng cường hợp tác quốc tế:* Đẩy mạnh thực hiện kế hoạch hành động về hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2011 - 2015. Tích cực vận động tài trợ quốc tế tăng nguồn lực cho tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới.

Tập trung quyết liệt tháo gỡ rào cản về thị trường; tích cực khai thác cơ hội từ các Hiệp định tự do hóa thương mại (FTA) mà Việt Nam đã tham gia, nhất là khu vực mậu dịch tự do ASEAN; đối phó có hiệu quả với thách thức có liên quan. Tăng cường các hoạt động đối ngoại phát triển thị trường xuất khẩu NLTS; cập nhật các thông tin về chính sách thương mại của các đối tác, các quốc gia khác và diễn biến của từng thị trường để xây dựng chiến lược phát triển thị trường cho các sản phẩm NLTS chủ lực, có tiềm năng và giá trị gia tăng cao.

- *Tiếp tục cải cách hành chính, hiện đại hoá công sở:* Đơn giản hóa thủ tục hành chính và tiết kiệm thời gian, kinh phí từ các thủ tục hành chính để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân; rà soát, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, gây phiền hà cho dân, doanh nghiệp.

### **7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng**

Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy thanh tra chuyên ngành từ Trung ương đến địa phương; tập trung thanh tra, kiểm tra sản xuất kinh doanh giống, chất cấm trong thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, ATTP.

Nghiêm túc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật Phòng chống tham nhũng; triển khai đồng bộ các giải pháp nêu tại Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/02/2014 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra phát hiện tham nhũng và xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi tham nhũng. Triển khai thực hiện nghiêm túc việc kê khai tài sản theo Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 3/01/2014 của Bộ Chính trị và Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 về minh bạch tài sản, thu nhập. Thực hiện các biện pháp để tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm trong hoạt động công vụ. Cắt giảm tối đa các khoản kinh phí hội nghị, hội thảo, tăng tổ chức hội nghị, hội thảo trực tuyến; tổ chức các ngày lễ lớn đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

### **8. Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng**

Tiếp tục kiện toàn hệ thống thống kê ngành trên cơ sở quy trình nghiệp vụ và chế độ báo cáo thống kê ngành đã được chuẩn hóa; tập trung hoàn thành các nội dung tăng cường năng lực hệ thống thống kê ngành; tăng cường năng lực công tác phân tích, dự báo để thường xuyên cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về sản xuất, thiên tai, thị trường phục vụ công tác quản lý ngành, chỉ đạo điều hành và định hướng sản xuất kinh doanh.

vnh

Tổ chức triển khai Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến để cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2015. Chủ động thông tin định hướng dư luận, nhất là các vấn đề nhạy cảm như chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh ATTP, tiêu thụ hàng NLTS, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới... Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh trung thực hoạt động của ngành; phát hiện, phê phán và ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu và tuyên dương những gương người tốt, những việc làm hay để nhân rộng trong toàn ngành.

Tập trung thực hiện tốt phong trào thi đua thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam trong toàn ngành.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tổng công ty, Giám đốc các doanh nghiệp thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, căn cứ vào Kế hoạch hành động này để xây dựng, trình duyệt kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm các đơn vị tiến hành rà soát, báo cáo Bộ (qua Vụ Kế hoạch) kết quả thực hiện trong đó nêu rõ: Việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành và nguyên nhân. Báo cáo gửi qua đường công văn và qua thư điện tử: [longtg.kh@mard.gov.vn](mailto:longtg.kh@mard.gov.vn) trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp báo cáo Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ.

3. Giao Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị tại cuộc họp giao ban thường kỳ tháng của Bộ./.

*(Chi tiết có phụ lục kèm theo)*

**BỘ TRƯỞNG**



**Cao Đức Phát**



**CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG  
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 01/NQ-CP NGÀY 03/01/2015 CỦA CHÍNH PHỦ**

**Phụ lục 1**

**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG  
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THỰC HIỆN  
NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 03/01/2015 CỦA CHÍNH PHỦ  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 110/QĐ-BNN-KH  
ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)**

Số TT	Hoạt động	Đơn vị chủ trì
1.	Theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Vụ Kế hoạch
2.	Xây dựng, trình Ban cán sự Đảng Bộ ban hành Nghị quyết về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Vụ Kế hoạch
3.	Xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo	Cục Trồng trọt
4.	Triển khai; theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện các Đề án tái cơ cấu các lĩnh vực và các Kế hoạch chuyên đề hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Các Tổng cục; các Cục: Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến NLTS và NM, KTHT và PTNT; các Vụ: Kế hoạch, KH-CN và MT, Tổ chức cán bộ
5.	Rà soát, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Vụ Kế hoạch; các Tổng cục: Lâm nghiệp, Thủy sản; các Cục: Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến NLTS và NM
6.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm	Các Tổng cục; các Cục; Vụ Kế hoạch
7.	Chỉ đạo sản xuất đảm bảo tiêu dùng trong nước, tăng cường xuất khẩu theo định hướng Đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực	Các Tổng cục; các Cục; các Sở Nông nghiệp và PTNT
8.	Đổi mới tổ chức và quản lý nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ	Vụ Khoa học Công nghệ và MT
9.	Đổi mới tổ chức sản xuất; đổi mới và nhân rộng các mô hình sản xuất, các hình thức liên kết sản xuất NLTS theo chuỗi giá trị có năng suất, hiệu quả cao	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; các Sở Nông nghiệp và PTNT
10.	Tái cơ cấu, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước do Bộ quản lý; sắp xếp, đổi mới quản lý các công ty nông, lâm nghiệp	Vụ Quản lý doanh nghiệp; các doanh nghiệp thuộc Bộ; các công ty nông, lâm nghiệp

*Chovan*

11.	Đào tạo nghề cho nông dân theo nhu cầu của lao động, doanh nghiệp, thị trường	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; Trung tâm Khuyến nông QG; các Viện, Trường thuộc Bộ; các Sở Nông nghiệp và PTNT
12.	Phát triển nguồn nhân lực phục vụ tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới	Vụ Tổ chức cán bộ; các Sở Nông nghiệp và PTNT
13.	Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công lập	Vụ Tài chính
14.	Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện tái cơ cấu đầu tư công và tình hình quản lý đầu tư, xử lý nợ đọng XDCB	Vụ Kế hoạch; Cục Quản lý xây dựng công trình; các Tổng cục
15.	Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Các Vụ: Kế hoạch, Hợp tác quốc tế, Quản lý doanh nghiệp
16.	Phát triển chế biến, bảo quản NLTS; phát triển cơ giới hóa nông nghiệp	Cục Chế biến NLTS và NM
17.	Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014	Vụ Quản lý doanh nghiệp
18.	Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Văn phòng điều phối TW Chương trình MTQG xây dựng NTM; các Sở Nông nghiệp và PTNT
19.	Nghiên cứu xây dựng chính sách chung về hỗ trợ sản xuất cho hộ nghèo trên cả nước	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT
20.	Triển khai thực hiện các chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT
21.	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển các làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Nghiên cứu, triển khai các mô hình môi trường làng một nghề, một cây, một con	Chế biến NLTS và NM
22.	Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy sản và nông, lâm nghiệp	Tổng cục Thủy lợi; Cục Quản lý xây dựng công trình; các Tổng cục, Cục chuyên ngành
23.	Kiểm soát chặt chẽ vệ sinh ATTP hàng NLTS nhập khẩu và chất lượng hàng NLTS xuất khẩu	Cục Quản lý chất lượng NLS và thủy sản
24.	Xây dựng, trình Ban cán sự Đảng Bộ ban hành Nghị quyết về tăng cường lãnh đạo đổi mới công tác quản lý nhà nước về chất lượng VTNN và vệ sinh ATTP	Cục Quản lý chất lượng NLS và thủy sản
25.	Bảo vệ, phòng cháy rừng và phát triển rừng; giao đất, khoán rừng cho hộ gia đình, cộng đồng quản lý bảo vệ	Tổng cục Lâm nghiệp
26.	Tăng cường năng lực phòng chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi

27.	Hoàn thành kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2015	Vụ Pháp chế; các đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản QPPL
28.	Tháo gỡ rào cản về thị trường ngoài nước; vận động tài trợ quốc tế cho ngành	Vụ Hợp tác quốc tế
29.	Kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ngành và tổ chức sự nghiệp công lập thuộc Bộ phục vụ tái cơ cấu ngành	Vụ Tổ chức cán bộ
30.	Rà soát, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, gây phiền hà cho dân, doanh nghiệp	Vụ Pháp chế; Vụ Quản lý doanh nghiệp
31.	Phòng chống tham nhũng, lãng phí. Thanh tra, kiểm tra sản xuất kinh doanh giống, chất cấm trong thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, ATTP	Thanh tra Bộ; Thanh tra chuyên ngành của các Tổng cục, các Cục
32.	Tăng cường năng lực công tác phân tích, dự báo thống kê. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý ngành	Trung tâm Tin học và Thống kê
33.	Đẩy mạnh thi đua thực hiện tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới	Vụ Tổ chức cán bộ

**Phu lục 2****CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH NĂM 2015***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 110/QĐ-BNN-KH**Ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)***I. CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH THỨC (02 văn bản)**

STT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Thời gian trình Chính phủ	Thời gian trình Quốc hội cho ý kiến	Thời gian trình Quốc hội thông qua
1.	Luật Thú y	Cục Thú y	TT. Vũ Văn Tám	Tháng 6/2014	Tháng 10/2014	Tháng 5/2015
2.	Luật Thủy sản sửa đổi	Tổng cục Thủy sản	TT. Vũ Văn Tám	Tháng 10/2015	Tháng 3/2016	Tháng 8/2016

**II. CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN BỊ (04 văn bản)**

1.	Luật Thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	TT. Hoàng Văn Thắng	2016		
2.	Luật Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp	TT. Hà Công Tuấn	Nhiệm kỳ QH khóa XIV		
3.	Luật Chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	TT. Vũ Văn Tám	Nhiệm kỳ QH khóa XIV		
4.	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh giống cây trồng	Cục Trồng trọt	TT. Lê Quốc Doanh	Nhiệm kỳ QH khóa XIV		

**Phu lục 3**

**CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN PHÁP QUY  
TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NĂM 2015**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 110/QĐ-BNN-KH  
ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**A. CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH THỨC (21 văn bản)**

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Nghị định của Chính phủ (11 văn bản)</b>			
1.	Nghị định của Chính phủ về chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản	Vụ Hợp tác Quốc tế	Tháng 9	
2.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 1	
3.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 9	
4.	Nghị định của Chính phủ quy định về giao khoán rừng, khoán vườn cây và khoán mặt nước nuôi trồng thủy sản	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 10	
5.	Nghị định của Chính phủ quản lý rừng sản xuất là rừng tự nhiên dừng khai thác chính	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 12	
6.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 7	Đ/c từ 2014
7.	Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh giống vật nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 11	
8.	Nghị định của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật (thay thế Nghị định 114/2013/NĐ-CP)	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 10	Đ/c từ 2014
9.	Nghị định của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh muối	Cục Chế biến NLTS&NM	Tháng 12	
10.	Nghị định của Chính phủ về phát triển Hợp tác xã nông nghiệp	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 6	
11.	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2010/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến nông	Trung tâm Khuyến nông QG	Tháng 12	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
<b>II.</b>	<b>Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (10 văn bản)</b>			
1.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 6	Đ/c từ 2014
2.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng hạ tầng đối với khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 6	
3.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định 42/2012/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 v/v hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn	Vụ Pháp chế	Tháng 10	Đ/c từ 2014
4.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý rừng phòng hộ	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 3	Đ/c từ CT chuẩn bị 2014
5.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách quản lý rừng, phát triển rừng ven biển	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 6	Đ/c từ 2014
6.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tổ chức lực lượng; quyền hạn, trách nhiệm; trang thiết bị; đào tạo, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ rừng cơ sở	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 9	Đ/c từ CT chuẩn bị 2014
7.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 ban hành quy chế đầu tư xây dựng công trình lâm sinh.	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 11	
8.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi bò sữa giai đoạn 2015 đến 2020	Cục Chăn nuôi	Tháng 10	
9.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 6	
10.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản trong sản xuất nông nghiệp	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 12	

## B. CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN BỊ

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Nghị định của Chính phủ (04 văn bản)</b>		
1.	Nghị định thay thế Nghị định số 119/2006/NĐ-CP ngày 16/10/2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Kiểm Lâm	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 12
2.	Nghị định của Chính phủ về phát triển rừng sản xuất gắn với chế biến và thương mại lâm sản	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 12
3.	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y	Cục Thú y	Tháng 12
4.	Nghị định của Chính phủ quy định về sản xuất và kinh doanh mía đường	Cục Chế biến NLTS & NM	Tháng 12 Đ/c từ năm 2014
<b>II.</b>	<b>Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (04 văn bản)</b>		
1.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp của lực lượng Kiểm ngư	Tổng cục Thủy sản	
2.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ thâm canh, tăng năng suất Điều	Cục Trồng trọt	Đ/c từ CT chuẩn bị 2014
3.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Cục Trồng trọt	Đ/c từ CT chuẩn bị 2014
4.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tái canh cà phê	Cục Trồng trọt	Đ/c từ CT chuẩn bị 2014

**Phu lục 4****CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG THÔNG TƯ  
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NĂM 2015***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 110/QĐ-BNN-KH  
ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)***A. CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH THỨC (55 văn bản)**

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
1.	Thông tư Hướng dẫn quản lý tài chính nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc phạm vi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý	Vụ Tài chính	Tháng 11	
2.	Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung Thông tư số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.	Vụ Tài chính	Tháng 11	
3.	Thông tư thay thế Thông tư số 49/2009/TT-BNNPTNT ngày 4/8/2009 về Hướng dẫn quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Hợp tác quốc tế	Tháng 10	Đ/c từ 2014
4.	Thông tư hướng dẫn công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 3	Đ/c từ 2013
5.	Thông tư hướng dẫn chi tiết về việc ghi nhãn đối với thực phẩm biến đổi gen bao gói sẵn	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 3	Đ/c từ 2013
6.	Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 3	Đ/c từ 2014
7.	Thông tư thay thế Thông tư 15/2013/TT-BNNPTNT ngày 26/02/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thực hiện một số điều của Nghị định 02/2013/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến nông	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 3	Đ/c từ 2014
8.	Thông tư quy định áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài và tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế trong hoạt động nông nghiệp và phát triển nông thôn	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 4	Đ/c từ 2014
9.	Thông tư Quy định về đánh giá, chỉ định và quản lý phòng thử nghiệm, kiểm chứng ngành nông nghiệp PTNT (Thay thế Thông tư 16/2011/TT-	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 10	

*Đào*



TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
	BNNPTNT ngày 01/4/2011 Quy định về đánh giá, chỉ định và quản lý phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư số 52/2012/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2011/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2011 Quy định về đánh giá, chỉ định và quản lý phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
10.	Thông tư hướng dẫn nhiệm vụ Chi cục, Trung tâm Khuyến nông tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 3	
11.	Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 6	
12.	Thông tư quy định Tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 6	
13.	Thông tư hướng dẫn tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quản lý cán bộ khuyến nông cơ sở	Vụ TC cán bộ/Trung tâm Khuyến nông QG	Tháng 6	
14.	Thông tư quy định danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 7	
15.	Thông tư liên tịch với Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 9	
16.	Thông tư liên tịch với Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp ngạch, chuyển xếp lương đối với Kiểm ngư viên và Thuyền viên tàu Kiểm ngư.	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 10	
17.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 50/2013/TT-BNNPTNT quy định trình tự thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Vụ Pháp chế	Tháng 4	
18.	Thông tư liên tịch với Bộ Tài chính hướng dẫn xác định giá trị tài sản, vườn cây, rừng trồng, đàn gia súc để xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa công ty nông, lâm nghiệp.	Vụ Quản lý Doanh nghiệp	Tháng 3	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
19.	Thông tư quy định trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	Thanh tra Bộ	Tháng 10	
20.	Thông tư hướng dẫn xây dựng đề án và phương án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17 tháng 12 năm 2014 về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 3	
21.	Thông tư quản lý giống cây trồng lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 6	
22.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 6	
23.	Thông tư thay thế Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ban hành Quy chế về quản lý và đóng búa bài cây, búa Kiểm lâm	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 12	Đ/c từ CTCB 2014
24.	Thông tư hướng dẫn lập Quy trình vận hành hồ chứa nước	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 5	Đ/c từ 2014
25.	Thông tư Hướng dẫn một số điều của Nghị định về quản lý an toàn đập	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 5	Đ/c từ 2014
26.	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 6	
27.	Thông tư Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 6	Đ/c từ 2014
28.	Thông tư hướng dẫn lập phương án phòng chống lũ, lụt cho vùng hạ du trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 8	Đ/c từ 2014
29.	Thông tư sửa đổi một số điều của Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 9	Đ/c từ 2014

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
30.	Thông tư thay thế Thông tư số 28/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định xác nhận, chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường Châu Âu	Tổng cục Thủy sản	Tháng 3	Đ/c từ 2014
31.	Thông tư đánh giá và quản lý rủi ro thủy sản sống nhập khẩu để làm thực phẩm	Tổng cục Thủy sản	Tháng 4	Đ/c từ 2014
32.	Thông tư ban hành Danh mục giống thủy sản được phép sản xuất và kinh doanh	Tổng cục Thủy sản	Tháng 6	
33.	Thông tư quy định về kiểm tra chất lượng, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng (Thay thế Thông tư số 79/2011/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 11 năm 2011)	Cục Trồng trọt	Tháng 3	Đ/c từ 2014
34.	Thông tư bổ sung danh mục loài cây trồng được bảo hộ	Cục Trồng trọt	Tháng 4	
35.	Thông tư ban hành danh mục giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam	Cục Trồng trọt	Tháng 3, 6, 9, 12	
36.	Thông tư quản lý giống cây trồng ngắn ngày	Cục Trồng trọt	Tháng 6	
37.	Thông tư quản lý giống cây trồng dài ngày	Cục Trồng trọt	Tháng 6	
38.	Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định quản lý, sử dụng đất trồng lúa thay thế Nghị định 42/2012/NĐ-CP	Cục Trồng trọt	Tháng 6	
39.	Thông tư quản lý Giống vật nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 3	Đ/c từ 2014
40.	Thông tư hướng dẫn Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020	Cục Chăn nuôi	Tháng 3	Đ/c từ 2014
41.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 35/2013/TT-BNNPTNT về quản lý và chăn nuôi chim yến	Cục Chăn nuôi	Tháng 4	
42.	Thông tư quy định về quản lý cơ sở sản xuất tôm giống an toàn dịch bệnh	Cục Thú y	Tháng 5	
43.	Thông tư quy định phòng chống bệnh Nhiệt thán	Cục Thú y	Tháng 11	
44.	Thông tư về quản lý thuốc bảo vệ thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 3	Đ/c từ 2014
45.	Thông tư liên tịch hướng dẫn việc thu gom và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 8	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
46.	Thông tư quy định về điều kiện hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 8	
47.	Thông tư quy định cụ thể về kiểm dịch thực vật nội địa	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 9	
48.	Thông tư hướng dẫn trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu và thẻ công chức Kiểm dịch thực vật	Cục Bảo vệ Thực vật	Tháng 11	
49.	Thông tư hướng dẫn giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản	Cục Quản lý chất lượng NLS & TS	Tháng 10	
50.	Thông tư quy định quy trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 1	Đ/c từ 2014
51.	Thông tư Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 6	
52.	Thông tư liên tịch với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn về điều kiện và tiêu chí hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp giai đoạn 2015 – 2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 11	
53.	Thông tư về quản lý đấu thầu các dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý	Cục Quản lý XDCT	Tháng 6	
54.	Thông tư hướng dẫn chất lượng các công trình xây dựng theo Nghị định 15/2013/NĐ-CP và Thông tư 13/2013/TT-BXD, Thông tư số 10/2013/TT-BXD	Cục Quản lý XDCT	Tháng 9	
55.	Thông tư về quy định chi tiết một số nội dung về Giám sát đánh giá đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý	Cục Quản lý XDCT	Tháng 9	

## B. CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN BỊ (18 văn bản)

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
1.	Thông tư liên tịch Hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực nông nghiệp	Vụ Kế hoạch	Tháng 11
2.	Thông tư liên tịch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công lập thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 6
3.	Thông tư hướng dẫn nhiệm vụ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đội ngũ nhân viên kỹ thuật chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn công tác trên địa bàn cấp xã	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 9
4.	Thông tư liên tịch với Bộ Nội vụ quy định về thực hiện chế độ thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 11
5.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 11
6.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 69/2009/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2009 Quy định khảo nghiệm đánh giá rủi ro đối với đa dạng sinh học và môi trường của giống cây trồng biến đổi gen	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 11
7.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT, ngày 21/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành kèm theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 11
8.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 12/2014/TT-BNNPTNT ngày 08/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về biểu trưng, cờ hiệu, cờ truyền thống, trang phục, mẫu thẻ kiểm ngư và màu sơn tàu, xuồng kiểm ngư	Tổng cục Thủy sản	Tháng 10
9.	Thông tư thay thế Quyết định 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Tháng 12
10.	Thông tư thay thế Thông tư số 75 /2004/TT-BNN ngày 20/12/2004 Hướng dẫn việc thành lập, củng cố và phát triển tổ chức hợp tác dùng nước	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 12

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
11.	Thông tư hướng dẫn cấp nước an toàn và quản lý, bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 12
12.	Thông tư hướng dẫn quy trình, thủ tục đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch sản phẩm, dịch vụ công ích trong quản lý khai thác công trình thủy lợi (Thay thế Thông tư số 56/2010/TT-BNNPTNT)	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 12 (Đ/c từ CT chuẩn bị 2014)
13.	Thông tư hướng dẫn lập thẩm định và phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 12
14.	Thông tư ban hành danh mục đối tượng phải kiểm soát trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật	Cục Bảo vệ Thực vật	Tháng 4
15.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 57/2012/TT-BNNPTNT ngày 07/11/2012 Quy định kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm các chất cấm thuộc nhóm Beta – Agonist trong chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 7
16.	Thông tư quy định điều kiện cơ sở nuôi giữ giống gốc, sản xuất giống thương mại	Cục Chăn nuôi	Tháng 9
17.	Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định về Hợp tác xã nông nghiệp	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 11
18.	Thông tư hướng dẫn Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 11